

Số: 3715/QĐ-UBND-GDĐT

Quận 12, ngày 21 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận chủ trương mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ ngành giáo dục từ nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và quỹ phát triển sự nghiệp năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Y tế về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành tiêu chí để xác định hàng hóa chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành danh mục máy móc, thiết bị được trang bị tại phòng họp, hội trường trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về phân cấp quản lý Nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 8553/SYT-NVY ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Sở Y tế về việc ban hành tạm thời danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế của các cơ sở giáo dục.

Xét đề nghị của phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 876/TTr-GDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc chấp thuận chủ trương mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách sự nghiệp giáo dục và quỹ phát triển sự nghiệp năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ủy ban nhân dân quận chấp thuận chủ trương cho các đơn vị được sử dụng nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để mua sắm tài sản, trang thiết bị trong năm 2023 như sau:

1. Mua sắm thiết bị từ nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục năm 2023

1.1. Mua sắm thiết bị dạy học, thiết bị hoạt động chung cho 28 trường, với tổng kinh phí 3.802.632.000 đồng, trong đó:

- Khối Mầm non (14 trường) : 1.451.932.000 đồng;
- Khối Tiểu học (09 trường): 936.700.000 đồng;
- Khối Trung học cơ sở (05 trường): 1.414.000.000 đồng.

(Chi tiết theo danh mục đính kèm phụ lục 1)

1.2. Mua sắm máy tính cho phòng học Tin học để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Đề án “nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030” với tổng kinh phí 9.251.620.000 đồng, trong đó:

- Theo Quyết định số 2514/QĐ-UBND-TC ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân quận với tổng kinh phí: 992.000.000 đồng cho 03 trường tiểu học.

- Quyết định số 3065/QĐ-UBND-TC ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân quận với tổng kinh phí: 3.743.980.000 đồng cho 05 trường tiểu học và 02 trường trung học cơ sở.

- Năm 2023 với tổng kinh phí 4.515.640.000 đồng cho 06 trường tiểu học và 02 trường trung học cơ sở.

(Chi tiết theo danh mục đính kèm phụ lục 2)

2. Danh mục mua sắm thiết bị dạy, học nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp giáo dục năm 2023

Tổng hợp nhu cầu mua sắm trang thiết bị dạy, học từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp giáo dục năm 2023 của các đơn vị với tổng kinh phí: 2.067.101.000 đồng, trong đó

- Khối Mầm non (06 trường) : 505.114.000 đồng;
- Khối Tiểu học (01 trường): 98.000.000 đồng;
- Khối Trung học cơ sở (03 trường): 1.463.987.000 đồng.

(Chi tiết theo danh mục đính kèm phụ lục 3)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Hiệu trưởng các trường:

1.1. Tổ chức rà soát các trang thiết bị hiện có trước khi thực hiện mua sắm và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trong trường hợp mua

sắm thiết bị vượt quá, tiêu chuẩn, định mức được quy định, chịu trách nhiệm đảm bảo không trùng lặp giữa các nguồn kinh phí mua sắm (kể cả vận động).

1.2. Thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị theo quy định tại Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính, Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản quy định khác có liên quan và hoàn thành công tác mua sắm trong năm 2023.

1.3. Gửi dự toán mua sắm các trang thiết bị về Ủy ban nhân dân quận (thông qua phòng Tài chính - Kế hoạch để thẩm định, có ý kiến).

1.4. Chịu trách nhiệm và mua sắm các thiết bị theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật về kích thước, màu sắc, vật liệu, kết cấu và nhãn hàng hóa theo quy định của ngành giáo dục.

2. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng các trường (theo phụ lục 1, 2 và 3) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND/Q: CT và PCT/VX;
- VP. UBND/Q;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đức



DANH MỤC MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ TỪ NGUỒN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2023
(Phụ lục đính kèm Quyết định văn số: 3745/QĐ-UBND-GDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2023)

STT	Tên thiết bị	Cầu hình, chất liệu, kích thước ...	Đơn vị tính	Hiện trạng tại đơn vị	Số lượng tiêu chuẩn định mức	Đơn vị để xuất	Phòng GD&ĐT thẩm định	Đơn giá	Tổng số tiền dự kiến thanh toán	Ghi chú
1	TỔNG CỘNG	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	MÀM NON								3.802.623.000	
1	MG Sơn Ca 1	Tủ sắt Hòa Phát, kích thước 1200 x 780 x 400mm, sử dụng sắt III, sắt 25 tất cả sắt có độ dày 1ly4, kính 5ly, tole 5 dem, có tay nắm, khóa nam châm, sơn tĩnh điện màu xám, trắng. Sản xuất tại Việt Nam	Cái	-	10	10	10	5.000.000	1.451.923.000	Khoản 5, phần A phụ lục I QĐ: 48/2022/QĐ-UBND Khoản 1.1, Mục I phần B phụ lục I QĐ: 21/2020/QĐ-UBND
1.1	Tủ đựng đồ dùng chuyên môn		Cái	-	10	10	10	5.000.000	50.000.000	
1.2	Trang bị Ti vi cho lớp	Tủ sắt Hòa Phát, kích thước 1200 x 780 x 400mm, sử dụng sắt III, sắt 25 tất cả sắt có độ dày 1ly4, kính 5ly, tole 5 dem, có tay nắm, khóa nam châm, sơn tĩnh điện màu xám, trắng. Sản xuất tại Việt Nam	Cái	2	7	3	10	19.000.000	57.000.000	
1.3	Bộ thiết bị nghe nhìn (Micro, âm thanh, loa)	Bộ thiết bị âm thanh 1350w: 2 loa thùng full Electro Voice DS 115, Mixer cục đẩy tín hiệu: sub và loa, 1 Loa Sub Electro Voice DS 118, micro không dây Shure, thiết bị chia nguồn điện. Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	Hư hỏng	1	1	10	30.000.000	30.000.000	Khoản 4, Phần A phụ lục I QĐ: 48/2022/QĐ-UBND
1.4	Bộ leo núi	Vạch leo núi cho bé bằng cembocard chịu nắng mưa, kích thước: ngang 1mx2m, có khung sắt cố định, vít gắn mẫu leo núi M8, M10 chuyên dụng, cục nhựa gắn tương leo núi. Sản xuất tại Việt Nam	Bộ	-	2	2	10	15.100.000	30.200.000	Khoản 8, mục III phần I phụ lục I QĐ: 21/2020/QĐ-UBND Khoản 10.3, mục III phần I phụ lục I QĐ: 21/2020/QĐ-UBND
1.5	Bộ thang leo	Bộ thang leo chữ A bê măng non: Kích thước: 200 x 120cm, hệ thống khung sắt 0600mm dày 1,5mm sơn tĩnh điện, dây thừng chuyên ngoại trừn, hành xe cao su di động có khóa cố định, dây xích. Sản xuất tại Việt Nam	Bộ	-	2	2	10	14.350.000	28.700.000	
2	MÀN SƠN CA 8								155.000.000	
2.1	Tủ sấy chén	Kích thước: D1200xR650x C 2050mm, thân làm bằng Inox không từ tính dày 1-1,5mm. Bao gồm 10 tầng, 20 khay (18 khay chén và 2 khay muỗng), 2 cửa chế tạo lớp cách nhiệt và quạt gió làm khô + hệ thống đèn và động cơ thổi gió từ trên + tiết kiệm bằng tia cực tím. Điện áp 220V-50Hz. Có CB chống giật, chống quá tải, tự động ngắt khi có sự cố	Cái	Tủ cũ đã hư	1	1	1	65.000.000	65.000.000	Phụ lục 1- PHẦN A, (2.3), ĐIỀU 1, QĐ số 48/2022/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022 của Ủy ban Nhân dân TP.
2.2	Tủ hấp cơm	Kích thước 50 kg, KT 520x650x1650mm, Inox 304, dây 1-1,5mm, có 10 khay, mỗi khay nấu 5 kg gạo, đồng hồ báo nhiệt hàn quốc, sử dụng ga tiết kiệm	Cái	Tủ cũ đã hư	1	1	1	45.000.000	45.000.000	Phụ lục 1- PHẦN A, (2.1), ĐIỀU 1, QĐ số 48/2022/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022 của Ủy ban Nhân dân TP.
2.3	Tủ hấp khăn	Kích thước: 520x650x 1250mm, thân làm bằng Inox dày 1-1,5mm, có lớp tôn cách nhiệt, có 12 khay, mỗi khay hấp 50 khăn, đồng hồ báo nhiệt Hàn quốc, sử dụng ga tiết kiệm, có CB chống giật, chống quá tải, có motor hàn xử lý bằng công nghệ argon.	Cái	Tủ cũ đã hư	1	1	1	45.000.000	45.000.000	Phụ lục 1- PHẦN A, (2.2), ĐIỀU 1, QĐ số 48/2022/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022 của Ủy ban Nhân dân TP.
3	MÀN SƠN CA 9								215.500.000	
3.1	Tủ chiếu gói	Kích thước: (D1600xR400x C1200) mm. Chất liệu: Gỗ cao su tự nhiên, ghép thành dày dãn 18mm, sơn phủ bóng PU.	Cái	-	9	9	9	9.500.000	85.500.000	Tủ chiếu gói trong phòng học. Mục 5 Phần A Phụ lục I, QĐ số 48/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022.

3.2	Máy giặt công nghiệp	Máy giặt công nghiệp 15 kg Goldfist XGQ-15 phù hợp phục vụ tại trường học. Model: XGQ-15 Thương hiệu: Goldfist Công suất định mức: 15kg vải khô/mé Kích thước lồng giặt (mm): Ø700×430 Điện áp định mức (V): 380 Công suất động cơ (Kw): 1.5 Công suất điện trở làm nóng (Kw): 6 Kích thước (mm): 1000x1030x1550 Trọng lượng (kg): 500	Cái	-	1	1	1	1	130.000.000	130.000.000	Mục 2.4 Phụ lục I Phần A QĐ số 48/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022.			
4	MN Bông Sen						0	1 bộ/lớp	18	18	0	33.400.000		
4.1	Bộ thiết bị nhập và các ngành nghề mẫu giáo (Kỵ sư, nhà bếp, bác sĩ, trang điểm, kỹ sư cơ khí, ăn uống, siêu thị)	Kích thước: 48x41x82 cm. Chất liệu: Nhựa nguyên sinh an toàn, không phai màu, không mùi. Hàng nhập khẩu tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	0							1.200.000	21.600.000	Phần B Khoản 2 phần III phụ lục I QĐ: 21/2020/QĐ-UBND	
4.2	Xe trẻ em 3 bánh	Kích thước: 135x55x65 cm. Chất liệu: sắt thép không gỉ, chịu lực tốt, vỏ đặc ruột (2 ghế ngồi)	Cái	0					4	4	2.950.000	11.800.000	Khoản 1 mục 1.11, 1.12, 1.36 phần III phụ lục I QĐ: 21/2020/QĐ-UBND	
5	MN Hoa Phong Lan									0		44.430.000		
5.1	Xe vận chuyển cơm và đồ ăn	Xe trung chuyển đồ ăn trong bếp Chất liệu inox 304 cao cấp (cao 8 tấc, dài 1m4, ngang 1m, độ dày 1mm5), có 2 tầng, 1 tầng sử dụng tole 1mm5, 1 tầng sử dụng inox phi tròn, có tay nắm dày, có 4 bánh xe điều hướng.	Cái	0					1	1	7.596.000	7.596.000	Khoản 2.8, phần A phụ lục I QĐ: 48/2022/QĐ-UBND	
5.2	Bếp bênh con Ngựa	Kích thước: 68x30x43 cm	Cái	0					1	1	852.000	852.000	Điều III Khoản 8, phần B phụ lục I, QĐ: 3079/2020/QĐ-UBND	
5.3	Bếp bênh con Hươu, cá heo	Kích thước: 68x30x45 cm	Cái	0					1	1	852.000	852.000	Điều III Khoản 8, phần B phụ lục I, QĐ: 3079/2020/QĐ-UBND	
5.4	Bếp bênh 3 bánh gà, voi, hươu, ngựa	Kích thước: 84x30x46 cm	Cái	0					1	1	1.050.000	1.050.000	Điều III Khoản 8, phần B phụ lục I, QĐ: 3079/2020/QĐ-UBND	
5.5	Cầu trượt nhà trẻ ống chui	Kích thước: 230x139x150 cm	Bộ	0					1	1	18.560.000	18.560.000	Điều III Khoản 9, phần B phụ lục I, QĐ: 3079/2020/QĐ-UBND	
5.6	Xe đạp 3 bánh	Kích thước: 85x56x60 cm. Sắt sơn tĩnh điện	Cái	0					1	1	4.320.000	4.320.000	Điều III Khoản 1.35, phần B phụ lục I, QĐ: 3079/2020/QĐ-UBND	
5.7	Xe đạp 3 bánh	Kích thước: 87x57x63 cm. Sắt sơn tĩnh điện	Cái	0					1	1	3.950.000	3.950.000	Điều III Khoản 1.35, phần B phụ lục I, QĐ: 3079/2020/QĐ-UBND	
5.8	Kệ nhà trẻ	Chất liệu: ván MFC (kích thước: 50x60x25 cm, mã từ HT1601 đến 1604)	Cái	0					10	10	725.000	7.250.000	Điều III Khoản 7, phần B phụ lục I, QĐ: 3079/2020/QĐ-UBND	
6	MN Hog Mi 1									0		89.992.000	89.992.000	QĐ: 3079/2020/QĐ-UBND

6.1	Tủ hấp cơm (5 tầng) Inox	Model: NC-TCĐ-8 Kích thước: 680 x 620 x 1170 Công suất: 12 kw/h Số khay: 8 khay Kích thước khay: 600x400x40 Phạm vi sử dụng: 140-160 suất ăn Thời gian nấu chín cơm: 45 - 60 Phút Công suất nấu gạo: 24kg đến 32kg gạo Công suất nấu gà: 40 con/mẻ/45 phút Công suất nấu thịt: 30kg/mẻ/45 phút Điện: 220V/50-60Hz Công suất: 12kw/h. Nhiệt độ: 100°C; Vật liệu: inox 201/304. Kết cấu: Cánh đóng, Chế độ hấp nóng tuần hoàn trực tiếp bằng công nhiệt và quạt sấy. Sản xuất tại Việt Nam	Cải	16	1	1	1	50.000.000	50.000.000	Điểm 2.1, Mục 2, Phần A, Phụ lục I Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022
6.2	Tủ gỗ đựng ba lô trẻ	Kích thước tủ: 120 x 30 x 115cm, chất liệu: gỗ ghép cao su, phủ PU bóng cứng 3 lớp, có bánh xe di chuyển, chịu lực tổng thể: 200kg. Sản xuất tại Việt Nam	Cải	16 cái lưu 4	2 cái/lớp	8	8	4.999.000	39.992.000	- Mục 5, Phần A, Phụ lục I Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022
7	MVN Hợp Mi 2								79.137.000	
7.1	Kệ đồ chơi trẻ em	Ngang 120cm, cao 100cm, sâu 30cm; chất liệu gỗ MDF Melamine, độ dày 17mm, dán cạnh bằng chì nhựa, có 4 bánh xe có khóa, loại có bậc đàn. Gía công tại Việt Nam.	cải	0	21	21	21	2.447.000	51.387.000	- Mục 5, Phần A, Phụ lục I Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022
7.2	Kệ cặp, dép	Cao 120cm, ngang 200cm, sâu 40cm; chất liệu gỗ cao su, độ dày 18mm, phủ màu sắc. Gía công tại Việt Nam	cải	0	3	3	3	9.250.000	27.750.000	- Mục 5, Phần A, Phụ lục I Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022
8	MVN Bảng Hồng								60.590.000	
8.1	Máy giặt LG 22 Kg	Khối lượng giặt không tải lên đến 22Kg Giặt nước nóng diệt khuẩn Công nghệ TurboDrum đảo chiều SmartThinQ hỗ trợ kết nối với smartphone Giặt 3D với WaveForce và JetSpray làm sạch hiệu quả	Cải	-	1	1	1	25.300.000	25.300.000	Phụ lục 1- PHẦN A, (2.3), ĐIỀU 1, QĐ số 48/2022/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022 của Ủy ban Nhân dân TP.
8.2	Tủ sấy chén (500 chén)	K.T: 1250x625x1950 mm Vật liệu: Inox 304 dày 0,8 - 1 mm Cửa có 2 lớp cách nhiệt Có 7 tầng sấy chén, 14 khay sấy Xung quanh bọc kín inox 304 Có hệ thống điều khiển đóng ngắt điện tự động Trệt trưng bằng tia cực tím, có điện trở đóng nóng, quạt tròn gió Công suất điện : 2KW/11 Có bánh xe di chuyển.	Cải	-	1	1	1	35.290.000	35.290.000	Phụ lục 1- PHẦN A, (2.3), ĐIỀU 1, QĐ số 48/2022/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022 của Ủy ban Nhân dân TP.
9	MVN Hồng Yến								27.482.000	
9.1	Kệ đồ chơi K.T: 108x35x81cm Chất liệu: nhựa cao cấp	Kệ đồ chơi K.T: 108x35x81cm Chất liệu: nhựa cao cấp	Cải	-	1	1	1	2.272.000	2.272.000	Điều III Khoản 7 phần B phụ lục I,
9.2	Kệ đồ chơi gia đình (11T 2005) K.T: 120x30x90 cm Chất liệu: Ván MFC	Kệ đồ chơi gia đình (HT 2005) K.T: 120x30x90 cm Chất liệu: Ván MFC	Cải	-	5	5	5	1.181.000	5.905.000	QĐ:30/79/2020/QĐ-UBND Điều III Khoản 7 phần B phụ lục I,
9.3	Máy sấy tay TOPY NP68	Máy sấy tay TOPY NP68	Cải	-	11	11	11	1.755.000	19.305.000	QĐ:30/79/2020/QĐ-UBND Khoản 2.6 phần A phụ lục I
10	MVN 1 Tháng 4								58.000.000	QĐ: 30/79/2020/QĐ-UBND

10.1	Tủ sấy chén	Tủ sấy chén HD: Kích thước: 710 x 600 x 1800 mm, từ gồm 5 tầng giá sấy, có núm điều chỉnh nhiệt độ sấy và đặt thời gian sấy, chất liệu: inox 304 cao cấp, kết cấu: Cánh đơn, Cánh Kính, Chế độ sấy nóng tuần hoàn trực tiếp bằng công nhiệt và quạt sấy, Tần số: 50Hz, Điện áp, công suất: 220V, Nhiệt độ <=70°C, Ch chống giật, chống quá tải, tự động tắt khi có sự cố. Sản xuất tại Việt Nam.	Cái	0		1	1	32.000.000	32.000.000	Phụ lục 1- Điều 1 -Phần A - 2.3 - Quyết định 48/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022
10.2	Tủ hấp khăn	Tủ hấp khăn công nghiệp THK. Kích thước tổng: 650x650x1300mm.Số khay: 3 khay lớn. Nhiệt độ: 100°C ; Điện áp: 220V/ 380V. Vật liệu: inox SUS201/SUS304. Thời gian hấp 10- 15 phút ; Hiệu suất tiêu thụ: 3 kw/ mẻ. Chức năng: Hấp nóng diệt khuẩn. Xuất xứ: Việt Nam	Cái	0		1	1	26.000.000	26.000.000	Phụ lục 1- Điều 1 -Phần A - 2.2 - Quyết định 48/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022
11	MN Sơn Ca 2	- Mới 100% - KT: 620x650x1700 mm - Chất liệu: Xung quanh và phía sau được làm bằng inox 304 cao cấp - Cầm có lớp cách nhiệt - Có 4 tầng sấy chén và 1 tầng rửa - Hệ thống điện điều khiển tự động đóng ngắt khí đủ nhiệt độ và thời gian cài đặt - Công suất: 1kw/h, 220V, 50Hz	cái	0	1	1	1	30.000.000	30.000.000	Phụ lục 1- Phần A, (2.3) ĐIỀU 1, QĐ số 48/2022/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022 của Ủy Ban Nhân Dân TP.
12	MN Bông Hồng	Khối lượng giặt không lớn đến 22Kg Giặt nước nóng diệt khuẩn Công nghệ TurboDrum đảo chiều SmartThinQ hỗ trợ kết nối với smartphone Giặt 3D với WaveForce và JetSpray làm sạch hiệu quả	Cái	-	1	1	1	25.300.000	60.590.000	Phụ lục 1- PHẦN A, (2.4), ĐIỀU 1, QĐ số 48/2022/QĐ- UBND, ngày 21/12/2022 của Ủy ban Nhân dân TP.
12.1	Máy giặt công nghiệp	Vật liệu: Inox 304 dày 0.8 - 1 mm Cửa có 2 lớp cách nhiệt Có 7 tầng sấy chén , 14 khay sấy Xung quanh bọc kín inox 304 Có hệ thống điều khiển đóng ngắt điện tự động Triệt trùng bằng tia cực tím, có điện trở đông nóng, quạt trộn gió Công suất điện : 2KW/H Có bánh xe di chuyển.	Cái	-	1	1	1	35.290.000	35.290.000	Phụ lục 1- PHẦN A, (2.3), ĐIỀU 1, QĐ số 48/2022/QĐ- UBND, ngày 21/12/2022 của Ủy ban Nhân dân TP.
12.2	Tủ sấy chén (500 chén)									
13	MN Sơn Ca 4								74.800.000	Phụ lục 1- PHẦN A, (2.6), ĐIỀU 1, QĐ số 48/2022/QĐ- UBND, ngày 21/12/2022 của Ủy ban Nhân dân TP.
13.1	Máy xay thịt	Máy xay thịt ATS: công suất 3/4hp. Công dụng: xay nhuyễn thịt cá, xúc xích, pate, bô viên, xay cua... bộ sản phẩm: 4 lưỡi dao (2 mặt cắt 6 li, 1 mặt cắt 8 li, 1 mặt cắt 10li), 1 cây nhồi, 1 bản inox 304 có bánh xe để xay thịt, có phần đế để thau hứng thịt.	cái	0	1	1	1	24.950.000	24.950.000	
13.2	Tủ hấp cơm	KT: 710x800x1300mm. Tủ hấp cơm được thiết kế và sản xuất bằng inox 304. Thân tủ được chân liên kết tạo độ cứng và chắc chắn cho tủ. Cách nhiệt 3 lớp. Cách nhiệt 3 mặt, 2 mặt hông và cửa.Có 1 cánh cửa, 2 tay khóa. Tủ có 6 khay, mỗi khay 5 kg gạo. Hệ thống điện bảo ngắt tự động, 4 chân tăng đưa điều chỉnh tủ. Có môi hàn được làm bằng khí Argon chống hiện tượng oxy hóa.	cái	hư	1	1	1	49.850.000	49.850.000	Phụ lục 1- PHẦN A, (2.1), ĐIỀU 1, QĐ số 48/2022/QĐ- UBND, ngày 21/12/2022 của Ủy ban Nhân dân TP.
14	MN Sơn Ca 6								327.102.000	
14.1	Kệ góc chơi	KT: 100x90x30.	Cái	Hư hỏng	4/lớp	10	10	1.400.000	14.000.000	TT 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010
14.2	Dàn kê góc chơi	KT: 120x40x30 (2 cái) và 120x90x30 (1 cái)	Cái	Hư hỏng	4/lớp	10	10	2.500.000	25.000.000	TT 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010
14.3	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ 1 ổ đôi	KT 1 ổ: N35xC45xS39. Khung bằng ván Cao su PU kết hợp bên trong là MFC, lưng MDF 5ly	Cái	Hư hỏng	1/lớp	17	17	7.676.000	130.492.000	TT 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010
14.4	Xe đạp chân Rider	KT: 62x52x74 cm Chất Liệu : Sắt thép không rỉ, chịu lực cao cấp, vỏ đặc ruột	Chiếc	0	2	2	2	3.438.000	6.876.000	PL1: Danh mục tiêu chuẩn định mức (kèm theo QĐ 3079/QĐ-UBND). Phần III. Mục 1.10

14.5	Xe đạp chân Triocycle	KT: 135x55x65 cm Chất Liệu : Sắt thép không rỉ, chịu lực cao cấp, vỏ đặc ruột	Chiếc	0	2	2	2	4.211.000	8.422.000	PL: Danh mục tiêu chuẩn định mức (kèm theo QĐ 30/9/QĐ-UBND), Phần III, Mục 1.11 PL: Danh mục tiêu chuẩn định mức (kèm theo QĐ 30/9/QĐ-UBND), Phần III, Mục 1.12 Mục 2.4 phần A Phụ lục I QĐ 48/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022
14.6	Xe 3 bánh có khay chở hàng	KT: 108x50x65 cm Chất Liệu : Sắt thép không rỉ, chịu lực cao cấp, vỏ đặc ruột	Chiếc	0	2	2	2	4.271.000	8.542.000	
14.7	Máy giặt công nghiệp	Máy giặt sấy Samsung Inverter 21 kg WD21T6500GV/SV. Loại máy: Cửa trước lồng ngang có Inverter; Kiểu động cơ: Chuyển động trực; Công nghệ giặt: AI Dispenser tự động cân chỉnh lượng nước giặt, nước xả AI Wash tối ưu lượng nước giặt xả, lượng nước và thời gian giặt. Airwash khử mùi & kháng khuẩn, bảng điều khiển AI control tự động ghi nhớ chế độ giặt, chế độ ngâm Bubble Soak công nghệ giặt bong bóng Eco BubbleCut hơi nước Hygiene Steam diệt 99,9% vi khuẩn kết nối với điện thoại thông qua ứng dụng SmartThingsQuickDrive giặt xả hiệu quả chỉ trong 39 phút VRT Plus™ giảm rung ồn đến 30%; Chất liệu lồng giặt Thép không gỉ. Hãng Samsung	Cái	Hư hỏng	1	1	1	34.000.000	34.000.000	
14.8	Bộ vận động đa năng tự xây dựng	Bao gồm các thành phần có thể lắp ghép tạo thành các mô hình vận động khác nhau	Bộ	0	02 bộ	1	1	99.770.000	99.770.000	Mục 2 phần III phụ lục I Quyết định số 30/9/QĐ-UBND ngày 22/8/2020
B	TIÊU HỌC								936.700.000	
1	TH Hồ Văn Thanh	Bàn học máy tính dùng cho học sinh bàn 2 chỗ ngồi gỗ CN MFC phủ Melamine, có 2 lỗ luồn dây trên mặt bàn, 2 khay bàn phím, 2 kệ CPU. Ghế gấp, đệm tựa lưng học PVC, chân thép sơn tĩnh điện	Bộ	0	25	25	25	3.000.000	75.000.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ-UBND, ngày 22/08/20
2	TH Kim Đồng	Màn hình led cho phòng hội trường (sử dụng cho hội nghị, họp trực tuyến và thao giảng)	Cái	-	1	1	1	178.200.000	178.200.000	Mục 13, phần A phụ lục II QĐ: 21/2020/QĐ-UBND, ngày 22/08/2020
3	TH Nguyễn Thị Minh Khai	Bàn học ghế mây tinh dùng cho học sinh bàn 2 chỗ ngồi gỗ CN MFC phủ Melamine, có 2 lỗ luồn dây trên mặt bàn, 2 khay bàn phím, 2 kệ CPU. Ghế gấp, đệm tựa lưng học PVC, chân thép sơn tĩnh điện	bộ	25	50	25	25	3.000.000	75.000.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ-UBND, ngày 22/08/20
4	TH Nguyễn Văn Thê	Hệ thống thiết bị Robotics dành cho tiểu học							479.140.000	Mục 3, Điểm II, phần B phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ-UBND, ngày 22/08/2020
4.1	Robot	Robot , Robot ứng dụng, Máy tính bảng, Sa bàn thí dẫu Robot	12 bộ/hệ thống	0	12	12	12	5.400.000	64.800.000	
	Robot ứng dụng		12 bộ/hệ thống	0	12	5	5	21.450.000	107.250.000	
	Máy tính bảng		12 bộ/hệ thống	0	12	12	12	6.850.000	82.200.000	
4.2	Sa bàn thí dẫu Robot		1 cái/hệ	0	1	1	1	1.890.000	1.890.000	
	Hệ thống phòng họp trực tuyến								163.000.000	

Màn hình led P4 : Máy xử lý dữ liệu tự động LS- VP1000U (lắp đặt ở Hội trường để sử dụng cho Hội nghị, họp trực tuyến)	Kích thước khung: 1.986 x 3.266x 96mm (cao x ngang x dày) -Kích thước hiển thị: 1.920 x 3.200mm (cao x ngang) -Diện tích hiển thị: 6.14m2 -Độ phân giải màn hình: 480 x 800 pixel. -Sử dụng khung Yển nhôm định hình sơn tĩnh điện màu đen - Input: camera, laptop, USB. - Bao gồm 01 card phát TS802 -Hoạt động đồng bộ với máy tính -Có thể hoạt động độc lập không cần máy tính bằng cách load file từ USB	Bộ	0		1	1	98.000.000	98.000.000	Mục 11, phần A phụ lục I, QĐ: 21/2020/QĐ- UBND, ngày 22/08/2020
4.3 Bàn máy vi tính học sinh	Bộ giải mã: PC Codec Micro/Mini form Intel Core i5, RAM 4GB/1TBHDD Thiết bị hình ảnh. Camera PTZ full HD 1080P 12X optical zoom, FOV 6.3(tele)-72.5 (wide). Giao tiếp USB 2.0 Thiết bị âm thanh Loa mix tích hợp đa hướng loại S310U , công nghệ khử Microphone: 4 mis - đa hướng, bán kính thu âm 5m Công nghệ khử vọng 2 chiều(AEC) Nén tạp âm và Tự động định hướng thông minh. 3 Micro đa hướng bên trong; bán kính phủ âm / 360° Bàn ghế máy tính dùng cho học sinh bàn 2 chỗ ngồi gỗ CN MFC phủ Melamine, có 2 lỗ luồn dây trên mặt bàn, 2 khay bàn phím, 2 kệ CPU. Ghế gấp, đệm tựa lưng từ PVC, chân thép sơn tĩnh điện	Bộ	0	1	1	1	65.000.000	65.000.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ- UBND, ngày 22/08/20
5 TH Quang Trung Bàn ghế học sinh	Bàn ghế học sinh(1 bàn, 2 ghế). Chân sắt (25mm x50mm) dày 1,4mm, học bản tole dày 1mm, sơn tĩnh điện, mặt gỗ ghép cao su 18mm, sơn PU 3 lớp - Bàn học sinh: KT 1,2m x 0,5m x 0,70m - Ghế học sinh: KT-0,36x 0,40m x 0,41. Chiều cao ghế: tính từ mặt đất đến mặt ghế 0,41m và từ mặt đất đến lưng tựa 0,75m . ván gỗ ghép, lưng tựa và mặt ghế (0,35m x 0,15m)	Bộ	575	25	25		1.820.000	45.500.000 45.500.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ- UBND, ngày 22/08/20
6 TH Trần Quang Cơ Bàn ghế học sinh cho dãy phần hiệu (Trường BDXD cũ)	Bàn ghế học sinh(1 bàn, 2 ghế). Chân sắt (25mm x50mm) dày 1,4mm, học bản tole dày 1mm, sơn tĩnh điện, mặt gỗ ghép cao su 18mm, sơn PU 3 lớp - Bàn học sinh: KT 1,2m x 0,5m x 0,70m - Ghế học sinh: KT-0,36x 0,40m x 0,41. Chiều cao ghế: tính từ mặt đất đến mặt ghế 0,41m và từ mặt đất đến lưng tựa 0,75m . ván gỗ ghép, lưng tựa và mặt ghế (0,35m x 0,15m)	Bộ	0	100	100	100	1.820.000	182.000.000 182.000.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ- UBND, ngày 22/08/20
7 TH Nguyễn An Khương Tủ tiết kiệm dụng cụ y tế	Tủ tiết kiệm dụng cụ y tế bằng Plasma và tia UV SunKyoung N302	Cái	-	1	1	1	20.000.000	124.000.000 20.000.000	Theo quyết định số 1221/QĐ- BYT ngày 07/04/2008
Máy tính xách tay	Dell XPS 13 9305 2021 Core i5-1135G7 RAM 8GB SSD 256GB FHD	Cái	-	4	2	2	26.000.000	104.000.000	Mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu theo chương trình giáo dục phổ thông 2018
8.1 TH Nguyễn Du Bàn ghế học sinh	Bàn ghế học sinh(1 bàn, 2 ghế). Chân sắt (25mm x50mm) dày 1,4mm, học bản tole dày 1mm, sơn tĩnh điện, mặt gỗ ghép cao su 18mm, sơn PU 3 lớp - Bàn học sinh: KT 1,2m x 0,5m x 0,70m - Ghế học sinh: KT-0,36x 0,40m x 0,41. Chiều cao ghế: tính từ mặt đất đến mặt ghế 0,41m và từ mặt đất đến lưng tựa 0,75m . ván gỗ ghép, lưng tựa và mặt ghế (0,35m x 0,15m) Bàn ghế máy tính dùng cho học sinh bàn 2 chỗ ngồi gỗ CN MFC phủ Melamine, có 2 lỗ luồn dây trên mặt bàn, 2 khay bàn phím, 2 kệ CPU. Ghế gấp, đệm tựa lưng từ PVC, chân thép sơn tĩnh điện	bộ	1.450	1.500	50	50	1.820.000	166.000.000 91.000.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ- UBND, ngày 22/08/20
8.2 Bàn ghế phòng máy vi tính	Bàn ghế học sinh(1 bàn, 2 ghế). Chân sắt (25mm x50mm) dày 1,4mm, học bản tole dày 1mm, sơn tĩnh điện, mặt gỗ ghép cao su 18mm, sơn PU 3 lớp - Bàn học sinh: KT 1,2m x 0,5m x 0,70m - Ghế học sinh: KT-0,36x 0,40m x 0,41. Chiều cao ghế: tính từ mặt đất đến mặt ghế 0,41m và từ mặt đất đến lưng tựa 0,75m . ván gỗ ghép, lưng tựa và mặt ghế (0,35m x 0,15m) Bàn ghế máy tính dùng cho học sinh bàn 2 chỗ ngồi gỗ CN MFC phủ Melamine, có 2 lỗ luồn dây trên mặt bàn, 2 khay bàn phím, 2 kệ CPU. Ghế gấp, đệm tựa lưng từ PVC, chân thép sơn tĩnh điện	bộ	25	50	25	25	3.000.000	75.000.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ- UBND, ngày 22/08/20
9 TH Nguyễn Khuyến								91.000.000	

	Bàn ghế HS 02 chỗ ngồi		Bộ	450	500	50	50	1.820.000	91.000.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ-UBND, ngày 22/08/20
C	TRUNG HỌC CƠ SỞ									
1	THCS Nguyễn An Ninh								1.414.000.000	
1.1	Bàn, ghế học sinh	Bàn ghế học sinh(1 bàn, 2 ghế) .Chân sắt (25mm x50mm) dày 1,4mm, hộp chân tole dày 1mm, sơn tĩnh điện, mặt gỗ ghép cao su 18mm, sơn PU 3 lớp - Bàn học sinh: KT : 1,2m x 0,5m x 0,70m - Ghế học sinh: KT:0,36x 0,40m x 0,41. Chiều cao ghế: tính từ mặt đất đến mặt ghế 0,41m và từ mặt đất đến lưng tựa 0,75m . ván gỗ ghép, lưng tựa và mặt ghế (0,35m x 0,15m)	Bộ	1.800	2.200	100	100	1.820.000	182.000.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ-UBND, ngày 22/08/20
1.2	Bàn, ghế vi tính	Bộ bàn ghế máy tính dùng cho học sinh bàn 2 chỗ ngồi, gỗ CN MFC phủ Melamine, có 2 ổ luồn dây trên mặt bàn, 2 khay bàn phím, 2 kệ CPU Ghế gấp, đệm tựa mút học PVC, chân thép sơn tĩnh điện	Bộ	90	150	50	50	3.000.000	150.000.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ-UBND, ngày 22/08/20
2	THCS Nguyễn Anh Thủ								215.000.000	
	Hệ thống thiết bị dạy tương tác	Bảng điện tử cảm ứng tương tác với máy tính hiệu Donview 86 inches Nhà máy sản xuất: Đạt tiêu chuẩn: ISO9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, CE, FCC, GTS20191024012/CNAS:ilac-MRA, TÜV Rheinland, RoHS, CB No.:PTUV116471, C-Tick, Made in China Model: DS-861WMS-103PA Kích thước màn hình 86 inches: Đèn nền: DLED Kích thước vùng cảm ứng: 1953,3*1103,1(mm) Độ phân giải: 3840 x 2160 Độ sáng: 400 nits Độ tương phản: 4000:1 Độ tương phản customize: 50.000:1	Hệ thống	-		1	1	215.000.000	215.000.000	Theo khoản 1, mục II, phần B phụ lục III QĐ 48/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022
3	THCS Nguyễn Huệ									
3.1	Bàn ghế học sinh THCS 2 chỗ (1 bàn + 2 ghế từ)	Bàn ghế học sinh(1 bàn, 2 ghế) Chân sắt (25mm x50mm) dày 1,4mm, hộp chân tole dày 1mm, sơn tĩnh điện, mặt gỗ ghép cao su 18mm, sơn PU 3 lớp - Bàn học sinh: KT : 1,2m x 0,5m x 0,70m - Ghế học sinh: KT:0,36x 0,40m x 0,41. Chiều cao ghế: tính từ mặt đất đến mặt ghế 0,41m và từ mặt đất đến lưng tựa 0,75m . ván gỗ ghép, lưng tựa và mặt ghế (0,35m x 0,15m)	Họ	1.075	1.225	150	150	1.820.000	503.000.000 273.000.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ-UBND, ngày 22/08/20
3.2	Hệ thống thiết bị dạy học tương tác	Hệ thống thiết bị dạy học tương tác Kích thước màn hình 86 inches: Đèn nền: DLED Kích thước vùng cảm ứng: 1953,3*1103,1(mm) Độ phân giải: 3840 x 2160 Độ sáng: 400 nits Độ tương phản: 4000:1 Độ tương phản customize: 50.000:1	Hệ thống	-	1	1	1	230.000.000	230.000.000	Theo khoản 1, mục II, phần B phụ lục III QĐ 48/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022
4	THCS Trần Quang Khải									
	Bàn, ghế học sinh	Bàn ghế học sinh(1 bàn, 2 ghế) .Chân sắt (25mm x50mm) dày 1,4mm, hộp chân tole dày 1mm, sơn tĩnh điện, mặt gỗ ghép cao su 18mm, sơn PU 3 lớp - Bàn học sinh: KT : 1,2m x 0,5m x 0,70m - Ghế học sinh: KT:0,36x 0,40m x 0,41. Chiều cao ghế: tính từ mặt đất đến mặt ghế 0,41m và từ mặt đất đến lưng tựa 0,75m . ván gỗ ghép, lưng tựa và mặt ghế (0,35m x 0,15m)	Bộ	1.100	1.500	300	100	1.820.000	182.000.000 182.000.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ-UBND, ngày 22/08/20
5	THCS An Phú Đông								182.000.000	

Bàn ghế học sinh	Bàn ghế học sinh(1 bàn, 2 ghế). Chân sắt (25mm x50mm) dày 1,4mm, học bàn tole dày 1mm, sơn tĩnh điện, mặt gỗ ghép cao su 18mm, sơn PU 3 lớp - Bàn học sinh: KT : 1,2m x 0,5m x 0,70m - Ghế học sinh: KT:0,36x 0,40m x 0,41. Chiều cao ghế: tính từ mặt đất đến mặt ghế 0,41m và từ mặt đất đến lưng tựa 0,75m . ván gỗ ghép, lưng tựa và mặt ghế (0,35m x 0,15m)	Bộ	1600	1700	100	100	1.820.000	182.000.000	Mục 6, phần A phụ lục II, QĐ: 21/2020/QĐ-UBND, ngày 22/08/20
------------------	---	----	------	------	-----	-----	-----------	-------------	---

DANH MỤC MUA SẴM MÁY TÍNH TỪ NGUỒN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2023
(Phụ lục đính kèm Quyết định văn số: 33/ĐS-QĐ-UBND-GDDT ngày 24 tháng 7 năm 2023)

STT	Tên tài sản	Cấu hình, chất liệu, kích thước, ...	Đơn vị tính	Số lượng				Đơn giá	Tổng số tiền dự kiến thanh toán	Ghi chú
				Hiện trạng tại đơn vị	Tiêu chuẩn định mức	Đơn vị để xuất	Phòng GD&ĐT thẩm định			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
ĐẠC CƠ CHỮ TRƯỜNG NĂM 2021 VÀ NĂM 2022										
I	NĂM 2021								80	Quyết định số 2514/QĐ-UBND-TC ngày 21/06/2021 của UBND quận
A	MÀM NON								992.000.000	
B	TIÊU HỌC								992.000.000	
1	TH Hồ Văn Thanh	Máy bộ để bàn CPU: Intel® Core™ i5 7500 Processors, Base Frequency 3.40 GHz, Max Turbo 3.80 GHz (4 Cores, 4 Threads, 6MB Intel® Smart Cache) SSD 256GB + HDD 500GB RAM: 8GB DDR4-2400. chuột ; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV						12.400.000	620.000.000	
2	TH Nguyễn Thái Bình	Máy bộ để bàn CPU: Intel® Core™ i5 7500 Processors, Base Frequency 3.40 GHz, Max Turbo 3.80 GHz (4 Cores, 4 Threads, 6MB Intel® Smart Cache) SSD 256GB + HDD 500GB RAM: 8GB DDR4-2400. chuột ; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV						12.400.000	186.000.000	
3	TH Nguyễn Văn Thệ	Máy bộ để bàn CPU: Intel® Core™ i5 7500 Processors, Base Frequency 3.40 GHz, Max Turbo 3.80 GHz (4 Cores, 4 Threads, 6MB Intel® Smart Cache) SSD 256GB + HDD 500GB RAM: 8GB DDR4-2400. chuột ; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV						12.400.000	186.000.000	
II	NĂM 2022								262	Quyết định số 3065/QĐ-UBND-TC ngày 30/6/2022 của UBND quận
A	MÀM NON								187	
B	TIÊU HỌC								50	
1	TH Hà Huy Giáp	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB, chuột ; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	Bộ					14.290.000	714.500.000	
2	TH Lý Tự Trọng	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB, chuột ; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	Bộ					14.290.000	714.500.000	

3	TH Nguyễn T Minh Khai Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	Bộ			7	14.290.000	100.030.000
4	TH Phạm Văn Chiêu Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	Bộ			30	14.290.000	428.700.000
5	TH Võ Thị Thừa Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	Bộ			50	14.290.000	714.500.000
C	TRUNG HỌC CƠ SỞ					75		1.071.750.000
1	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	Bộ			30	14.290.000	428.700.000
2	THCS An Phú Đông Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	Bộ			45	14.290.000	643.050.000
A	NĂM 2023					301	4.301.290.000	4.515.640.000
1	TH Lê Văn Thọ Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	Bộ	51	150	51	14.290.000	728.790.000
2	TH Nguyễn Du Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	Bộ	45	100	50	14.290.000	714.500.000
3	TH Nguyễn Thị Định Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	Bộ	112	170	50	14.290.000	714.500.000
4	TH Nguyễn Thị Minh Khai Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	bộ	36	76	40	14.290.000	571.600.000
5	TH Nguyễn Văn Thệ							285.800.000

Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về an "nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"

	Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	bộ	70	90	20	20	14.290.000	285.800.000	
6	TH Quới Xuân Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	bộ	51	96	45	45	14.290.000	643.050.000	
C	TRƯỜNG HỌC CƠ SỞ						60		857.400.000	
1	THCS Nguyễn An Ninh Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	Bộ	80	150	45	45	14.290.000	643.050.000	
2	THCS Nguyễn Huệ Máy tính để bàn cho phòng Tin học (học sinh)	Máy bộ để bàn CPU: Intel Core i5-12400, Mainboard: chipset H610, RAM: 8GB DDR4, SSD 256GB; chuột; bàn phím và màn hình Màn hình LCD Samsung 18.5 inch LS19F350HNEXXV	Bộ	138	153	15	15	14.290.000	214.350.000	
	CỘNG								9.251.620.000	

DANH MỤC MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ QUÝ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2023
(Phụ lục đính kèm Quyết định văn số: 3.3745.../QĐ-UBND-GDDĐT ngày 24. tháng 7 năm 2023)

STT	Tên tài sản	Cấu hình, chất liệu, kích thước ...	Đơn vị tính	Số lượng				Đơn giá	Tổng số tiền dự kiến thanh toán
				Hiện trạng tại đơn vị	Tiêu chuẩn định mức	Đơn vị đề xuất	Phòng GD&ĐT thẩm định		
TỔNG CỘNG									
1	MN Bông Sen								2.067.101.000
1.1	Bộ xếp hình xây dựng	Bộ lắp ghép nam châm 44 chi tiết từ tính thông minh Magnetic Sticks	Bộ	0	2	40	40	350.000	51.400.000
1.2	Hộp đựng đồ chơi	Chất liệu nhựa nắp trượt cỡ trung M màu trắng, kích thước 30x42x41cm	Cái	0	2	30	30	480.000	14.400.000
1.3	Máy giặt công nghiệp chuyên dùng	Máy giặt cửa trên Samsung Inverter 23 kg WA23A837GV/SV Chất liệu lồng giặt: Thép không gỉ. Chất liệu vỏ máy: Kim loại sơn tĩnh điện Sản xuất tại: Thái Lan	Cái	1	1	1	1	23.000.000	23.000.000
2	MN Hòa Mi 2						0		36.564.000
2.1	Kệ vi tính	Ngang 120cm, cao 100cm: chất liệu gỗ MDF Melamine, độ dày 17mm, dán cạnh bằng chi nhựa, có 4 bánh xe có khóa, loại có bạc đen. Gia công tại Việt Nam.	Cái		2	2	2	2.747.000	5.494.000
2.2	Kệ sách	Cao 68cm, ngang 42cm, sâu 40cm: chất liệu gỗ sử dụng gỗ MDF Melamine, độ dày 17mm, dán cạnh bằng chi nhựa. Gia công tại Việt Nam	Cái		2	2	2	2.160.000	4.320.000
2.3	Máy in màu Epson L805	Loại máy in : Máy in màu, 6 màu, Khổ giấy tối đa: A4, Độ phân giải: 5760x1440 dpi. Kết nối: USB 2.0, Wifi. Tốc độ in: 34 trang đen A4/ phút, 34 trang màu A4/ phút, in ảnh 10x15 trong 13 giây. Xuất xứ: Trung Quốc	Cái		1	1	1	9.500.000	9.500.000

2.4	Máy in trắng đen Hp 404DN	In trắng đen: 38 trang/phút, 40 trang/phút (Tốc độ cao) Độ phân giải: Fine Lines (1200 x 1200 dpi) Công suất in khuyến nghị hàng tháng: 750 - 4.000 trang Kết nối: USB, Ethernet Mã mực: Greentec CF276A (3.000 trang), Greentec CF276X (9.000 trang); HP CF276A (3.000 trang). Xuất xứ: Trung Quốc	Cái		1	1	1	1	8.500.000	8.500.000
2.5	Keo dán sản nhựa DK-6000	Nhà sản xuất: KOREA Mã sản phẩm: DK-6000 Trọng lượng: 10kg Kích thước (L x W x H): 240mm x 240mm x 550mm	Thùng		7	7	7	7	1.250.000	8.750.000
3	MN Sơn Ca									
3.1	Tivi 55" inch	Tivi Samsung 55 inch Qled 4K QA55Q60B Công nghệ Quantum HDR Chế độ hiển thị đa màn hình Multi View Âm thanh theo chuyển động hình ảnh OTS Lite (20W, 2.2CH) Máy in màu Epson L805, in phun màu, tiếp mực ngoài Độ phân giải: 5760 x 1440 dpi Chuẩn kết nối: Hi-Speed USB 2.0, Wireless In mạng không dây Hiệu suất làm việc: 8000 trang/tháng Mực in sử dụng: T6731/32/33/34/35/36	cái	0	1	1	1	1	19.000.000	96.500.000 19.000.000
3.2	Máy in màu	Máy in màu Epson L805, in phun màu, tiếp mực ngoài Độ phân giải: 5760 x 1440 dpi Chuẩn kết nối: Hi-Speed USB 2.0, Wireless In mạng không dây Hiệu suất làm việc: 8000 trang/tháng Mực in sử dụng: T6731/32/33/34/35/36	cái	0	1	1	1	1	12.000.000	12.000.000
3.3	Xe inox vận chuyển thực phẩm	Vật liệu: Inox 304 dày 1mm	cái	0	2	2	2	2	15.000.000	30.000.000
3.4	Đồ chơi Lego, lắp ráp	Quy cách 112 chi tiết	bộ	0	1	1	1	1	7.500.000	7.500.000
3.5	Bồn rửa tay	Lắp đặt Lavabo rửa tay trên bàn đá hoa cương:	cái	0	1	1	1	1	28.000.000	28.000.000
4	MN Mai Vàng							0		49.500.000
	Thảm cỏ nhân tạo	Thảm cỏ cao 3cm (2m x 25m) cuộn 50 m (màu xanh lá cây)	m	0		225	225	225	220.000	49.500.000
5	MN Sơn Ca 8							0		49.000.000
5.1	Bảng điện tử 55cm x 680cm	Cấu hình của bảng điện tử là gì	Bộ	0		1	1	1	49.000.000	49.000.000
6	MN Sơn Ca 1									
6.1	Máy điều hòa không khí	Toshiba 2hp inverter Công suất: 18.000 Btu/h Tiêu thụ điện: 1,66KW/h5 sao(Hiệu suất năng lượng 4,84) Dàn lạnh: Dài 80cm- Cao 29cm-Dây 24cm-Nặng 9kg Dàn nóng: Dài 84,5cm-Cao 55cm-Dây 31,6cm- Nặng 33kg	Cái	0	9	8	8	8	20.100.000	222.150.000 160.800.000

6.2	Tivi lớp	Sony 4K 55 inch KD-55X75K (hoặc tương đương). Kích thước: 55". Độ phân giải: 3840 x 2160 / Ultra HD (4K). Hệ điều hành: Google TV. Kết nối mạng: LAN, WiFi, Bluetooth. Công xuất hình: 3 x HDMI. Kích thước: 146,3 x 85,2 x 8,7 cm. Khối lượng: 21,4 kg. Sản xuất tại Việt Nam	Cái	2	7	2	2	19.200.000	38.400.000
6.3	Tủ hấp khăn	Hàng sản xuất: Việt Nam	Cái	0	1	1	1	22.950.000	22.950.000
7	TH Lý Tự Trọng						0		98.000.000
7.1	Máy tính để bàn (phòng học vi tính)	CPU: inter Core i3-12100 [4,3Ghz]	Bộ	83	90	7	7	14.000.000	98.000.000
8	THCS Lương Thế Vinh						0		75.000.000
8.1	Máy vi tính để bàn (tổ văn phòng)	- MODEL: Dell Optiplex 3000 MT - CPU: Intel Core™ i5-12500 (3.00Ghz up to 4.60Ghz, 6 Core – 12 Thread, 18MB) - RAM: 8GB DDR4 3200MHz - Ổ CỨNG: SSD 256G M2 PCIe - Hệ điều hành: Fedora Linux - Ổ đĩa quang: DVD-RW	Bộ	5	11	5	5	15.000.000	75.000.000
9	THCS Nguyễn Chí Thanh								711.572.000
9.1	Máy photocopy	Máy Photocopy kỹ thuật số, Laser trắng đen Toshiba e-	cái	0	0	1	1	145.600.000	145.600.000
9.2	Máy vi tính	Máy tính để bàn HP 280 Pro G6 Tower, Core i3, 8GB	cái	75	90	25	25	15.600.000	390.000.000
9.3	Bộ thiết bị tối thiểu lớp 7	Bộ thiết bị tối thiểu lớp 7	hộ	4	3	1	1	106.790.000	106.790.000
9.4	Bộ thiết bị tối thiểu lớp 8	Bộ thiết bị tối thiểu lớp 8	hộ	0	4	1	1	69.182.000	69.182.000
10	THCS Nguyễn Hiền								677.415.000
10.1	Bàn ghế học sinh	Bàn ghế học sinh(1 bàn, 2 ghế). Chân sắt (25mm x50mm) dày 1,4mm, hệbàn tole dày 1mm, sơn tĩnh điện, mặt gỗ ghép cao su 18mm, sơn PU 3 lớp - Bàn học sinh: KT : 1,2m x 0,5m x 0,70m - Ghế học sinh: KT:0,36x 0,40m x 0,41. Chiều cao ghế: tính từ mặt đất đến mặt ghế 0,41m và từ mặt	Bộ	1625	0	100	100	1.820.000	182.000.000
10.2	Bàn làm việc	Có học tủ + ngăn kéo, chất liệu:	Cái	3		3	3	7.000.000	21.000.000
10.3	Tủ đựng hồ sơ	Tủ chia 4 ngăn, 2 cánh cửa mở	Cái	46		4	4	4.000.000	16.000.000
10.4	Bộ thiết bị tối thiểu lớp 6	Bộ thiết bị tối thiểu lớp 6	hộ	0	3	1	1	226.832.000	226.832.000
10.5	Bộ thiết bị tối thiểu lớp 7	Bộ thiết bị tối thiểu lớp 7	hộ	0	4	1	1	98.270.000	98.270.000
10.6	Bộ thiết bị tối thiểu lớp 8	Bộ thiết bị tối thiểu lớp 8	hộ	0	4	1	1	133.313.000	133.313.000